

## CHƯƠNG III

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN GIAN MIỀN BIỂN ĐÀ NẴNG

### 1. Thực trạng bảo tồn văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng

1.1. Văn hóa dân gian miền biển hay miền núi hay ở bất kỳ địa bàn nào cũng đều phải gắn liền với cư dân bản địa. Khó có thể bảo tồn văn hóa dân gian miền biển trên một địa bàn không có cư dân bản địa, càng khó hơn là không có cư dân ngư nghiệp bản địa. Chính vì vậy để tiếp cận thực trạng bảo tồn văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng, trước hết cần đánh giá thực trạng cư dân miền biển. Xét từ giác độ cư dân, có thể nói miền biển Đà Nẵng có nhiều điểm đáng chú ý. Một là do toàn bộ quần đảo Hoàng Sa đang bị Trung Quốc chiếm đóng trái phép từ năm 1974 nên ở miền biển Hoàng Sa thuộc Đà-Nẵng-hải-đảo hiện nay không có cư dân sinh sống. Hai là do quá trình đô thị hóa sôi động suốt mấy chục năm nay nên ở miền biển ven bờ Biển Đông, ven Vịnh Đà Nẵng và ven sông Hàn thuộc Đà-Nẵng-đất-liền cũng ngày càng mất đi các làng chài - như làng chài Đông Hải, làng chài Nam Thọ - từng nổi danh là nơi đầu tiên sáng tạo ra thuyền nan của Đông Dương<sup>1</sup>, làng chài Xuân Hà... và gần đây nhất là làng chài Nam Ô, đồng thời giảm đáng kể số lượng cư dân ngư nghiệp bản địa.

---

<sup>1</sup> Theo Thanh Hải: *Đà Nẵng đang xóa dần ký ức*, Báo Lao Động điện tử ngày 15-5-2017

1.2. Đương nhiên, một khi các làng chài dần mất đi kéo theo quy mô cộng đồng cư dân ngư nghiệp bản địa ngày càng teo tóp, những di sản vật thể của văn hóa dân gian miền biển như đền miếu thờ Cá Ông, giếng cổ... hoặc bị triệt phá/xóa sổ, chẳng hạn như lăng thờ Cá Ông ở làng chài Tân Trà phường Hòa Hải (xem ảnh bên dưới) và nhiều di sản khác, hoặc tuy không bị đập bỏ/cày ủi nhưng những đền miếu thờ Cá Ông, giếng cổ... do tách khỏi làng chài/khỏi cộng đồng cư dân ngư nghiệp sẽ trở nên vô hồn, lạc lõng cô đơn giữa không gian xa lạ.



*Lăng thờ Cá Ông ở Tân Trà trước khi bị phá bỏ. Ảnh Hồ Trung Tú*

Trong một bài viết có nhan đề *Cái chết được báo trước?* đăng trên Văn nghệ Công an điện tử ngày 13 tháng 10 năm 2017, TS. Mai Thanh Sơn khẳng định: “*Mặc dù thành phố đã có những phương án bảo tồn một số cơ sở tín ngưỡng của người dân các làng chài, nhưng nếu nhìn tổng thể, hầu hết các phương án này đều nằm giữa các khu cao ốc hoặc khu resort nghỉ dưỡng. Chủ nhân thực thụ của các cơ sở thờ tự, đồng thời*

*là những người trực tiếp thực hành các văn hóa tâm linh đều bị mất nghề hoặc di chuyển khỏi môi trường quen thuộc của họ. Thật khó có thể đảm bảo rằng, việc thờ tự ở đây còn có ý nghĩa đối với con cháu những ngư phủ xưa. Mất làng chài là mất môi trường văn hóa biển. Khi ngư phủ mất việc làm trên biển, là mất chủ nhân của văn hóa biển. Hiển nhiên, văn hóa biển sẽ chết”.*

Nhà nghiên cứu đến từ Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ này còn lý giải thêm: *“Trong chính sách phát triển kinh tế biển, chính quyền Đà Nẵng không chủ trương kế thừa các truyền thống vốn có trong lịch sử. Trong tất cả các bản quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua của thành phố cũng như các quận ven biển, đều không có bất cứ nội dung nào đề cập đến việc bảo tồn các làng nghề cá. Thành phố không coi văn hóa biển truyền thống và kinh nghiệm đi biển được truyền đời của các ngư phủ là di sản cần được lưu giữ và phát huy trong chính môi trường đã sản sinh, gìn giữ và trao truyền nó. Đó là lỗ hổng lớn nhất trong nhận thức”.*

1.3. Đối với di sản phi vật thể của văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng, tình hình có khả quan hơn. Trước hết là về phương diện sưu tầm, nghiên cứu, từ nhiều năm qua các di sản phi vật thể của văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng đã được một số nhà folklore học trong và ngoài thành phố quan tâm, chẳng hạn như công trình *Tập tục, lễ hội đất Quảng - tập 3* trong *Tổng tập Văn hóa, văn nghệ dân gian đất Quảng* của Hội Văn nghệ dân gian Đà Nẵng (NXB Đà Nẵng, 2009, chủ biên: Võ Văn Hòe, Hoàng Hương Việt, Bùi Văn Tiếng), hay như công trình nghiên cứu của Nguyễn Xuân Hương: *Tín*

*ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam Đà Nẵng* (NXB Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa, 2009)...

Đáng chú ý là các công trình liên quan đến vấn đề đang bàn như bài viết của Bùi Văn Tiêng: *Bảo tồn và phát triển văn hóa văn nghệ dân gian trong bối cảnh Đà Nẵng đang đô thị hóa* được in trong sách *Văn hóa dân gian và sự phát triển văn hóa đô thị*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002; hay như công trình nghiên cứu của Lê Thị Thu Hiền: *Biến đổi tín ngưỡng của cư dân ven biển Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa* - luận án tiến sĩ văn hóa học vừa được bảo vệ tại Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam hồi tháng 9 năm 2017... Trong luận án tiến sĩ của mình, Lê Thị Thu Hiền đã mô tả những thay đổi trong lễ hội cầu ngư - lễ hội tiêu biểu nhất trong đời sống tâm linh và sinh hoạt văn hóa của cộng đồng cư dân ven biển Đà Nẵng gắn với tục thờ Cá Ông, như xu hướng rút ngắn thời gian, hoặc xu hướng tách rời không gian thiêng truyền thống, hoặc xu hướng liên kết giữa các làng chài trong việc tổ chức lễ hội, hoặc xu hướng tinh giản lễ xây châu hát bả trạo...; đi đôi với xu hướng xuất hiện thêm một số nghi thức lễ hội hiện đại như đọc diễn văn và đánh trống khai mạc...

## **2. Giải pháp bảo tồn văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng**

2.1. Vì thế *giải pháp bảo tồn văn hóa dân gian miền biển ở Đà Nẵng hiện nay chủ yếu là giải pháp bảo tàng*. Đạo diễn Đoàn Huy Giao đã lưu giữ văn hóa biển trong Bảo tàng Đồng Đình trên núi Sơn Trà, họa sĩ Mỹ Dũng cũng từng đưa ra ý tưởng bảo tồn làng biển Đà Nẵng qua đề nghị giữ nguyên hiện trạng hai làng An Tân, An Đồn với diện tích khoảng 15ha vốn là hai làng chài bên sông Hàn trước đây. Theo ý tưởng bảo tồn

làng biển Đà Nẵng của nghệ sĩ nhiếp ảnh Mỹ Dũng, cần giữ nguyên hiện trạng hai làng An Tân, An Đồn với diện tích khoảng 15ha vốn là hai làng chài bên sông Hàn trước đây - nay thuộc phường An Hải Bắc quận Sơn Trà - và quy hoạch tổng thể các hạng mục, phân khu của hai làng chài này, chỉnh trang giao thông, đặt tên ngõ, bảo đảm vệ sinh môi trường, sáng tác mỹ thuật cho từng ngôi nhà, con đường, tường rào và ngõ hẻm theo chủ đề làng biển Đà Nẵng xưa. Bảo tàng Đà Nẵng cũng từng trưng bày chuyên đề *Đời sống ngư dân và cảng biển* với điểm nhấn là mô hình chiếc ghe bầu - ngư cụ đặc trưng của cư dân vùng biển Quảng Nam-Đà Nẵng nói riêng, vùng biển Nam Trung Bộ nói chung; đồng thời dành một không gian đặc biệt tái hiện sống động thể thức tổ chức lễ hội Cầu ngư...

Nhân đây cũng xin nói thêm rằng trong bảo tồn di sản, vấn đề *cơ sở xã hội tương thích* là rất quan trọng. Bài chòi vừa được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại, nhưng bài chòi cũng không dễ được bảo tồn, vì bài chòi không chỉ có hô/hát theo những làn điệu/bài bản nhất định mà còn có yếu tố trò chơi dân gian. Lễ hội Pháo hoa quốc tế Đà Nẵng 2017 có tiết mục bài chòi nhưng đó là bài chòi sân khấu hóa, cũng có chòi nhưng là chòi để trang trí cho ra vẻ bài chòi, cũng có người chơi bài nhưng là diễn viên đóng vai người chơi bài, chỉ có hô/hát theo làn điệu bài chòi là... giống như thật - nghĩa là cũng diễn. Lễ hội mục đồng làng Phong Lệ độc đáo như vậy, dân chủ như vậy nhưng do thiếu cơ sở xã hội tương thích - thời buổi này ở Phong Lệ làm gì còn... mục đồng - nên cũng chỉ có thể đưa vào... bảo tàng để bảo tồn.

Nhiều người đang đặt vấn đề xây dựng bảo tàng văn hóa biển ở Đà Nẵng. Bây giờ mới đặt vấn đề xây dựng bảo tàng biển ở một thành phố cảng biển từng sôi động với những Lộ Hạc thuyền từ thế kỷ XV như Đà Nẵng là quá chậm. Chậm hơn khi Đà Nẵng đang đứng trên tuyến đầu Tổ quốc trong cuộc đấu tranh đòi lại quần đảo Hoàng Sa bằng các giải pháp hòa bình. Tuy nhiên, bảo tàng biển ở Đà Nẵng phải tạo được sự khác biệt với Bảo tàng Hải dương học Nha Trang - thực chất là một bảo tàng sinh vật biển. Đà Nẵng không nên đi theo hướng bảo tàng sinh vật biển. Đà Nẵng cũng không nên đi theo hướng một bảo tàng hàng hải/công nghiệp đóng tàu. Đà Nẵng nên đi theo hướng bảo tàng văn hóa biển nhằm lưu dấu lịch sử khai thác, chinh phục và giữ gìn chủ quyền biển đảo của các thế hệ người Việt Nam. Đây cũng là giải pháp để bảo tồn di sản văn hóa miền biển một cách bài bản và chuyên nghiệp hơn so với hiện nay.

2.2. Có một loại bảo tàng có khả năng bảo tồn di sản văn hóa dân gian miền biển một cách hữu hiệu nhưng không phải là bảo tàng vật thể như Bảo tàng Đồng Đình đang hoạt động hay bảo tàng làng biển An Tân, An Đồn và Bảo tàng Văn hóa biển Đà Nẵng trong tương lai... mà là bảo tàng phi vật thể. Đó chính là chương trình dạy-học văn học địa phương trong trường phổ thông. Qua chương trình này, các giáo viên ngữ văn ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông có thể trao truyền cho học sinh Đà Nẵng những hiểu biết về di sản văn hóa dân gian xứ Quảng nói chung, về di sản văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng nói riêng, cả di sản vật thể và di sản phi vật thể, cả chính khóa và ngoại khóa.

Ngoài những tiết học chính khóa thầy giảng trò nghe, giáo viên có thể kết hợp với một số hình thức trực quan sinh động như đưa học sinh đến tham quan các bảo tàng vật thể và các lễ hội có liên quan đến di sản văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng; hoặc thậm chí ngay trong những tiết học chính khóa thầy giảng trò nghe, giáo viên có thể cho học sinh xem các đoạn phim tài liệu có liên quan đến di sản văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng - cũng là một dạng bảo tàng di động. Mô hình Ngày hội Văn hóa dân gian thường niên từ năm học 2008-2009 của Trường Trung học phổ thông Phan Châu Trinh có thể bổ sung các nội dung văn hóa miền biển và nhân rộng trong các trường trung học phổ thông toàn thành phố.

Công cuộc bảo tồn di sản văn hóa dân gian nói chung, di sản văn hóa miền biển nói riêng ở Đà Nẵng sẽ chuyển biến đáng kể nếu được bắt đầu từ trường phổ thông. Những học sinh được học về di sản văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng từ lúc còn ngồi trên ghế nhà trường, sau này lớn lên nếu trở thành người làm nghề quy hoạch đô thị chắc sẽ “chờn tay” khi phóng bút vẽ một con đường, một khu dân cư mới... ngang qua một miếu thờ Cá Ông hay một giếng cổ... Rất nhiều di sản vật thể của văn hóa dân gian miền biển bị triệt phá/xóa sổ vì một nét bút quy hoạch đô thị vô tâm vô cảm của những công chức/viên chức thiếu hiểu biết về quá khứ/ lịch sử nói chung và về di sản vật thể của văn hóa dân gian miền biển nói riêng.

2.3. Bảo tồn di sản văn hóa vật thể đã khó, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể càng khó hơn nhiều. Những bất cập sai lầm trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể dễ nhận ra hơn so với những sai lầm bất cập trong bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể. Đâu phải ai cũng có thể nhận ra những lễ hội dân gian sân khấu hóa - tức là những lễ hội không xuất phát từ nhu cầu tín

ngưỡng thực tế của dân làng mà chỉ xuất phát từ nhu cầu tham quan của du khách thập phương. Cho nên đối với các lễ hội dân gian miền biển đang được tổ chức hằng năm ở một số địa phương hiện nay, cần hạn chế đến mức thấp nhất những thay đổi so với nguyên bản cổ truyền, chẳng hạn như xu hướng rút ngắn thời gian, hoặc xu hướng tách rời không gian thiêng truyền thống, hoặc xu hướng liên kết giữa các làng chài trong việc tổ chức lễ hội, hoặc xu hướng tinh giản lễ xây chầu hát bả trạo...; đi đôi với xu hướng xuất hiện thêm một số nghi thức lễ hội hiện đại như đọc diễn văn và đánh trống khai mạc... trong lễ hội cầu ngư của cộng đồng cư dân ven biển Đà Nẵng mà nhà nghiên cứu Lê Thị Thu Hiền đã phân tích trong luận án tiến sĩ của mình...

Điều quan trọng hơn cả là không nên hành chính hóa/quan chức hóa các lễ hội dân gian miền biển. Cần nhớ rằng “nếu bỏ qua những làng chài nhỏ, những ngư dân đánh bắt ven bờ, những người thợ làm nước mắm là chúng ta đang lãng quên lịch sử; chính những làng chài đó, những ngư phủ đó mới là môi trường, là chủ thể kiến tạo nên bản sắc riêng trong truyền thống văn hóa biển Đà Nẵng. Bản sắc đó được thể hiện thông qua tục thờ cá Ông, qua những lễ hội cầu ngư, lễ tế thu hằng năm, tục đua ghe, lắc thúng; qua nếp sống dựa vào biển, ngóng biển; qua những con người chân chất hàng ngày bám biển mà mỗi suy nghĩ, hành vi của họ đều mang tâm thức hướng biển ...”<sup>2</sup>

Chính vì vậy phải làm thế nào để cộng đồng ngư dân ven biển Đà Nẵng trở thành chủ thể thực sự của các lễ hội dân gian miền biển. Thực tế tín ngưỡng nghi lễ ở các làng chài ven biển

---

<sup>2</sup> TS. Mai Thanh Sơn, bài đã dẫn.



Đà Nẵng cho thấy hoạt động tín ngưỡng của ngư dân Đà Nẵng trong các lễ hội dân gian như lễ hội cầu ngư/lễ tế cá Ông vẫn mang tính cộng đồng cao, vẫn là chuyện cả làng cùng lo cùng hưởng. Ngay như việc mai táng cá Ông thì tuy tập tục có quy định ngư dân đầu tiên phát hiện ra cá lụy - chết trên biển hay trôi giạt vào bờ - sẽ được cử làm “trưởng nam” để chủ trì tổ chức tang lễ, nhưng về cơ bản vẫn là công việc được cả làng chài chung tay góp sức. Riêng cách ứng xử với Phật trôi của ngư dân Đà Nẵng trong lúc đang tác nghiệp ngoài biển khơi thì lại mang đậm tính cá thể: khi phát hiện ra tử thi chết đuối trôi dạt từ nơi khác đến gần thuyền mình, ngư dân - thường là chủ thuyền - vớt tử thi lên thuyền đưa vào đất liền chôn cất, và nếu là tử thi không rõ tông tích, người chủ thuyền sẽ lấy họ của mình ghép với tên Lượm (nhặt/vớt) để dựng bia mộ và khấn vái người xấu số khi cúng giỗ<sup>3</sup>.

2.4. Cần bảo tồn các làng nghề ven biển khác ngoài nghề chài lưới. TS. Trần Đức Anh Sơn trong bài *Văn hóa biển xưa và nay* đăng báo Quảng Nam điện tử cho rằng: “*Người Việt đã biết dùng nước biển để làm muối từ hàng ngàn năm trước và kỹ thuật làm muối của người Việt cũng vô cùng độc đáo: nấu nước biển để lấy muối. Chính vì thế, mà trong khi người Hoa gọi dân làm muối là diêm dân, thì người Việt lại gọi người làm muối là tảo hộ hay tảo công. Cách thức làm muối độc đáo ấy không chỉ được phản ánh trong sách Đại Việt sử ký toàn thư mà còn được chứng thực bởi nghề làm muối ở làng Nại Hiên thành phố Đà Nẵng với những dấu vết còn lưu giữ trên thực địa và cả trong ký ức dân gian. Không chỉ khai thác biển,*

---

<sup>3</sup> Theo kết quả khảo sát thực địa của Trương Vũ Quỳnh, Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại Đà Nẵng

*người Việt còn biết chế biến những sản vật của biển thành những “đặc sản” để phục vụ cho nhu cầu ẩm thực của mình, mà nước mắm là “thành tựu vĩ đại” nhất mà người Việt đã phát minh trong quá trình sống chung với biển”.*

Nghề làm muối của *Nại Hiên* là làng *Ý E/ Nấu muối bằng nước lấy tre làm nồi* đã thất truyền từ lâu, chỉ còn nghề nước mắm Nam Ô nhưng nghề truyền thống vang bóng một thời này cũng đang đối diện với nguy cơ mai một trong quá trình đô thị hóa. Làng nghề nước mắm Nam Ô vốn nằm ven biển nhưng nay buộc phải dời đi để nhường chỗ cho một dự án du lịch sinh thái biển, mà nơi vừa được chính quyền thành phố cấp đất để sớm phục hồi làng nghề lại nằm gần núi - trong khi ai cũng hiểu nghề làm mắm phải gần với biển/ở gần biển để dùng nước biển rửa chum vại/dụng cụ làm mắm, nếu đưa lên núi thì làm sao phát triển làng nghề truyền thống đúng nghĩa của cha ông, đúng là *ai cũng hiểu chỉ... chính quyền không hiểu!* Cần sớm điều chỉnh quy hoạch bất cập này.

Rồi số phận nghề đan thuyền thúng/thúng chai ở làng chài Thọ Quang cũng tương tự vậy. Nếu như nghề làm mắm nhằm tích trữ sản vật của biển khi đánh bắt được thì nghề đan thuyền thúng là sự tìm tòi cách tiến ra khơi làm nghề chài lưới. Nhưng nếu những người làm nước mắm Nam Ô phải mua nguyên liệu cá cơm tận Phan Thiết, Quy Nhơn thì những người làm nghề đan thuyền thúng/thúng chai Thọ Quang cũng phải đi đến huyện Hòa Vang thậm chí phải vào tận các làng xã của tỉnh Quảng Nam để mua nguyên liệu tre - đó là chưa kể phụ liệu quan trọng là phân bò để quét ngoài lớp thúng chống thấm nước cũng trở nên rất khó tìm giữa một Sơn Trà đang từng ngày đô thị hóa./.

